ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 16382 /QĐ-UBND	*Tây Ninh, ngày 09 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự án Sửa chữa kênh Chính Đông và kênh Chính Tây của trạm bơm Lộc Giang A-B

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 36/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn một số nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 37/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn phương pháp xác định định mức dự toán và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật; Thông tư số 38/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng về việc ban hành định mức xây dựng; Công văn số 9947/BXD-VPB của Bộ Xây dựng ngày 29/6/2026 về việc thay thế phụ lục kèm theo Thông tư số 36/2026/TT-BXD hướng dẫn nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng và Thông tư số 38/2026/TT-BXD về ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 43/2026/QĐ-UBND ngày 24/3/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc ban hành Quy định về phân cấp, phân công trách nhiệm quản lý và thực hiện dự án đầu tư công, dự án đầu tư xây dựng công trình, quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Công văn số 2372/UBND-KTTC ngày 12/8/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc chủ trương thực hiện lập hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật các công trình bức xúc phục vụ sản xuất nông nghiệp năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 6378/QĐ-UBND ngày 15/4/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt danh mục và phân bổ kinh phí cho từng công trình, dự án từ nguồn kinh phí sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi; nguồn ngân sách nhà nước hỗ trợ sản xuất đất chuyên trồng lúa, đất trồng lúa còn lại và đất chuyên trồng lúa tại vùng quy hoạch trồng lúa có năng suất, chất lượng cao theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP đã giao trong dự toán chi NSNN năm 2026 cho Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 11679/QĐ-UBND ngày 01/7/2026 của UBND tỉnh về việc phân công công việc Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và các Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh, nhiệm kỳ 2026-2031;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 17662/TTr-SNNMT ngày 12/8/2026 và văn bản thẩm định số 17608/SNNMT-QLXDCT ngày 12/8/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Sửa chữa kênh Chính Đông và kênh Chính Tây của trạm bơm Lộc Giang A-B, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Sửa chữa kênh Chính Đông và kênh Chính Tây của trạm bơm Lộc Giang A-B.

2. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính của dự án: Dự án nhóm C, Công trình Nông nghiệp và Môi trường; Cấp IV.

- Thời hạn sử dụng của công trình theo thiết kế: 20 năm *(theo quy định tại Điều 10, Thông tư số 54/2026/TT-BTC ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

3. Mã định danh (nếu có): Chưa tạo lập.

4. Địa điểm xây dựng dự án: xã An Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- Vị trí xây dựng công trình: Sửa chữa kênh Chính Đông và kênh Chính Tây của trạm bơm Lộc Giang A-B, thuộc địa phận xã An Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- Điểm đầu, điểm cuối và tóm tắt hướng tuyến công trình, một số điểm khống chế: Sửa chữa kênh Chính Đông và kênh chính Tây của Trạm bơm Lộc Giang A-B, thuộc địa phận xã An Ninh, tỉnh Tây Ninh theo hiện trạng tuyến kênh hiện hữu.

- Diện tích sử dụng đất của dự án:

+ Diện tích mất đất vĩnh viễn: 0 m^2

+ Diện tích mất đất tạm thời: 0 m^2

5. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

6. Chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

7. Nhà thầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công; nhà thầu khảo sát xây dựng (nếu có):

- Nhà thầu tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công:

- Tên nhà thầu: Công ty TNHH Tư vấn Xây Dựng Hiệp Minh Duy.

- Mã số doanh nghiệp: 1101936326.

- Nhà thầu khảo sát xây dựng:

- Tên nhà thầu: Công ty TNHH Tư vấn Xây Dựng Hiệp Minh Duy.

- Mã số doanh nghiệp: 1101936326.

8. Mục tiêu dự án:

Nhằm đảm bảo an toàn mái kênh bê tông cốt thép, duy trì năng lực dẫn nước, đồng thời kéo dài tuổi thọ khai thác của hệ thống kênh, phục vụ ổn định sản xuất nông nghiệp…ngoài ra đảm bảo việc vận chuyển cơ giới nông nghiệp, hàng hóa và sản phẩm nông nghiệp trong vùng của nhân dân được lưu thông thông suốt, thuận tiện và đồng bộ trên toàn tuyến, cũng như từng bước hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật giao thông trong khu vực.

9. Quy mô đầu tư xây dựng

a) Kênh Chính Đông: L=8.024m

+ Mặt kênh rộng: 8,00m+0,5x2=9,0m;

+ Đáy kênh rộng: 1,2m.

- Kết cấu sửa chữa từ trên xuống:

+ Bê tông cốt thép đá 1x2 M250, thép fi 8 a200 dày 80mm;

+ Ni long lót ngăn chống mất nước;

+ Đắp mái taluy bằng đất chọn lọc, đầm chặt K>0,95;

+ Đục gỡ bỏ bê tông hư hỏng và tạo lại mặt bằng.

- Chiều dài sửa chữa mái kênh

+ Bên trái mái kênh L= 1.572m

+ Bên phải mái kênh L=1.400m

b) Phần đường song hành: **L=2.126,6m bên phải tuyến**

- Mặt đường bờ kênh: 3m

- Nền đường bờ kênh: 6m

- Kết cấu mặt đường bờ kênh sửa chữa từ trên xuống:

+ Lớp cấp phối đá dăm 0x4 dày 10cm K≥0,98;

+ Đào cắt khuôn nền đường bờ kênh K≥0,95 (đất đào tận dụng đắp lề, taluy).

- Chiều dài sửa chữa mặt đường bờ kênh: L=2.126,6m

c) Kênh Chính Tây: L=7.154m

+ Mặt kênh rộng: 9,2m+0,5x2=10,2m;

+ Đáy kênh rộng: 1,2m.

- Kết cấu sửa chữa từ trên xuống:

+ Bê tông cốt thép đá 1x2 M250, thép fi 8 a200 dày 80mm;

+ Ni long lót ngăn chống mất nước;

+ Đắp mái taluy bằng đất chọn lọc, đầm chặt K>0,95;

+ Đục bê tông hư hỏng và đục tạo nhám.

- Chiều dài sửa chữa mái kênh: **Bên phải mái kênh L=12m**

***d) Phần đường song hành*: L=1.693,8 bên phải tuyến**

- Mặt đường bờ kênh: 3m

- Nền đường bờ kênh: 6m

- Kết cấu mặt đường bờ kênh sửa chữa từ trên xuống:

+ Lớp cấp phối đá dăm 0x4 dày 10cm K≥0,98;

+ Đào cắt khuôn nền đường bờ kênh K≥0,95 (đất đào tận dụng đắp lề, taluy);

- Chiều dài sửa chữa mặt đường bờ kênh: L=1.693,8m.

10. Danh mục quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng: Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

11. Tổng mức đầu tư xây dựng dự án; giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng:

Giá trị tổng mức đầu tư: **8.971.760.000 đồng** *(Bằng chữ: Tám tỷ chín trăm bảy mươi mốt triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng)*

Trong đó:

- Chi phí xây dựng	7.242.713.000	đồng
- Chi phí quản lý dự án	236.330.000	đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	553.101.000	đồng
- Chi phí khác	192.658.000	đồng
- Chi phí dự phòng	746.958.000	đồng

12. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2026 – 2028.

13. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo thời gian thực hiện dự án: Nguồn kinh phí sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi; nguồn ngân sách nhà nước hỗ trợ sản xuất đất chuyên trồng lúa, đất trồng lúa còn lại và đất chuyên trồng lúa tại vùng quy hoạch trồng lúa có năng suất, chất lượng cao theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP.

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Chủ đầu tư tự quản lý dự án.

Điều 2. Chủ đầu tư (Sở Nông nghiệp và Môi trường) chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện dự án theo đúng quy định của pháp luật hiện hành đối với các nội dung được phê duyệt tại Quyết định này.

Tổng mức đầu tư được duyệt là giới hạn tối đa cho phép để Chủ đầu tư lựa chọn phương án thực hiện dự án.

Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin, số liệu và toàn bộ kết quả thẩm định, đảm bảo mục tiêu, hiệu quả đầu tư, theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Khu vực XVIII; Chủ tịch UBND xã An Ninh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CT, PCT.UBND tỉnh;
- CVP, PCVP.UBND tỉnh;
- Chi cục Thủy lợi;
- Trung tâm Thủy lợi và Nước sạch;
- Phòng KTTC;
- Lưu: VT, Duy.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Minh Lâm